

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: **32/2019/DS-ST** NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ngày: 9/10/2019.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Nguyễn Sơn Hà;
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Sơn và bà Vũ Thúy Hậu
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy, thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Thủy, Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2018, về việc “Chia thừa kế”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1961; Có mặt.

Nơi ĐKNKTT và ở: số 1 hẻm 2 tổ dân phố V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1942;

Nơi ĐKNKTT và ở: số 1 hẻm 2 tổ dân phố V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 1, ngõ 2, phố G, tổ 3 phường T, quận H, TP Hà Nội (Giấy ủy quyền số 5812/2018/GUQ ngày 18/12/2018); Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947; Địa chỉ: tổ dân phố P, phường M, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: xóm M, tổ dân phố V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị HA, sinh năm 1958; Địa chỉ: xóm M, tổ dân phố V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952

5. Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975

6. Chị Nguyễn Trung H, sinh năm 1979

7. Anh Nguyễn Vinh H, sinh năm 1978

8. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: số 1 hẻm 2 tổ dân phố V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

9. Chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Trạm y tế phố T, C, phường X, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Huy H, chị HU, anh Nguyễn Vinh H, chị Nguyễn Thị D, chị Ly: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 1, ngõ 2, phố G, tổ 3 phường T, quận H, TP Hà Nội (Giấy ủy quyền số 524/2019/GUQ ngày 24/01/2019); Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Bố tôi là Cụ Nguyễn Viết TU (đã mất ngày 08/3/2016) và mẹ tôi là cụ Vương Thị A (đã mất ngày 16/01/2012) có để lại một khối di sản gồm 1.311m² đất ao, hiện ông Nguyễn Viết T đang quản lý, sử dụng. Khi mất bố mẹ tôi không để lại di sản thừa kế. Sinh thời bố mẹ tôi sinh được 05 người con gồm: ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1942, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị HA, sinh năm 1958 và tôi là Nguyễn Viết H, sinh năm 1961.

Khi bố tôi còn sống bố tôi đã công hữu hóa phần đất ao này cho hợp tác xã năm 1967. Trước khi mất ông có nói là sau này hợp tác xã trả lại đất ao thì ông cho tôi 1/3, còn cho ông Nguyễn Viết T là 2/3 (trong đó có 1/3 là để ông ấy lo giỗ tết cho bố mẹ, anh em không phải đóng góp), còn các chị gái thì bố tôi đã cho đất phân trăm.

Tôi yêu cầu chia thừa kế đối với 1.311m² đất ao nhưng khi đo đạc thực tế chỉ có 925,4m² nên tôi yêu cầu chia 925,4m².

Tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế cho tôi theo quy định của pháp luật. Nguyên vọng của tôi là chia cho 3 chị gái mỗi người 50m², số

còn lại chia làm 3 phần, anh Nguyễn Viết T và tôi mỗi người một phần, phần còn lại để lo giỗ tết.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đặng Minh T trình bày:

Về quan hệ huyết thống ông thống nhất Nguyễn Thị N ông Nguyễn Viết H trình bày; Cụ Nguyễn Viết TU (đã mất ngày 08/3/2016) và cụ Vương Thị A (đã mất ngày 16/01/2012). Sinh thời cụ có 5 người con gồm: ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1942, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị HA, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1961.

Đối với tài sản mà ông Nguyễn Viết H đòi chia thừa kế, tôi khẳng định đó không phải là di sản thừa kế do bố mẹ ông Nguyễn Viết T để lại mà là tài sản riêng của gia đình ông Nguyễn Viết T. Cụ thể về nguồn gốc và quá trình hình thành Nguyễn Thị N sau:

Năm 1960, ông Nguyễn Viết T được bố mẹ cho diện tích nhà đất, thuộc thửa số 34 tờ bản đồ số 7 tại thôn Văn Trì, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Diện tích khi đó được thể hiện trên sổ mục kê lập vào năm 1960 là 1375m² trong đó có 448m² đất ao còn lại là đất ở. Nguồn gốc thửa đất trước khi bố mẹ cho ông Nguyễn Viết T là của bố mẹ ông Nguyễn Viết T được thừa hưởng từ thế hệ trước để lại. Do ông Nguyễn Viết T là con trưởng nên bố mẹ đã cho sử dụng và đứng tên chủ sử dụng ngay từ năm 1960 để để sinh sống cùng bố mẹ và duy trì nghĩa vụ của con trưởng trong gia đình là phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến già. Ông Nguyễn Viết H là con trai thứ nên bố mẹ ông đã tạo lập nhà đất và cho ở riêng nơi khác cho đến nay. Bố mẹ ông Nguyễn Viết T Nguyễn Thị N thực tế đã ở với ông Nguyễn Viết T cho đến năm 2012 thì mẹ ông mất và năm 2016 bố ông Nguyễn Viết T cũng qua đời.

Đối với thửa đất nêu trên vào khoảng năm 1960, sau khi được bố mẹ ông Nguyễn Viết T cho ông Nguyễn Viết T được sử dụng thửa đất, nhà nước có chính sách hợp tác hóa, khuyến khích các gia đình trong xã góp vào hợp tác xã để cùng hợp tác sản xuất. Ông Nguyễn Viết T đã đồng ý góp phần diện tích đất ao vào để thực hiện chính sách chung của nhà nước. Tuy nhiên, đến năm 1967 khi hợp tác xã không còn sử dụng nữa, ông Nguyễn Viết T đã tự lấy lại và tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

Vừa qua, gia đình ông Nguyễn Viết T và một số gia đình khác tại địa phương đã được UBND quận Bắc Từ Liêm thực hiện việc thanh tra và kết luận theo Kết luận thanh tra số 76/KL-UBND ngày 31/7/2017, gia đình ông được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đã tự quản lý và sử dụng lại đất.

Qua tìm hiểu ông Nguyễn Viết T được biết bản đồ năm 1994 thể hiện thửa đất trên gia đình ông sử dụng thuộc thửa đất số 82, 83 tờ bản đồ số 2 diện tích đo thực tế là 929m² tại tổ dân phố Văn Trì 4, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Do có nhu cầu chia đất cho các con nên ông Nguyễn Viết T đã lập vi bằng ngày 24/11/2017 để chia tách đất cho các con. Khi đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND quận Bắc Từ Liêm thì ông Nguyễn Viết H làm đơn khiếu nại, yêu cầu dừng cấp vì lý do chia thừa kế của bố mẹ. Vì thế, ông không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế diện tích đất ao này theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị HA trình bày: Bố mẹ chúng tôi là cụ Nguyễn Viết TU, mất ngày 08/3/2016 và cụ Vương Thị A, mất ngày 16/1/2012. Cụ Nguyễn Viết TU và cụ A có 5 người con là ông Nguyễn Viết T, ông Nguyễn Viết H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị HA. Về nguồn gốc đất ao đang có tranh chấp là của bố mẹ chúng tôi để lại. Sau đó cho hợp tác xã Văn Trì, huyện Từ Liêm thuê mặt nước để nuôi thả cá. Tuy nhiên, việc nuôi thả cá không có hiệu quả nên hợp tác xã đã trả lại cho gia đình chúng tôi. Khi còn sống bố mẹ tôi có nói bằng miệng là chia ao này cho anh trưởng 2/3 còn cho ông Nguyễn Viết H 1/3 diện tích ao. Tuy nhiên, sau một thời gian thì bố mẹ tôi lại nói cho con trưởng là ông Nguyễn Viết T.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H nếu có căn cứ thì phần của chúng tôi thì chúng tôi xin nhận và quyết định xử lý kỷ phần Nguyễn Thị N thế nào chúng tôi sẽ xử lý sau. Mong muốn của chúng tôi là anh em hòa giải, đừng xảy ra tranh chấp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Huy H, chị Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Vĩnh Nguyễn Vĩnh H, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị Diệu L: ông Đặng Minh T trình bày:

Tài sản mà ông Nguyễn Viết H khởi kiện đòi chia thừa kế hiện do gia đình ông Nguyễn Viết T đang quản lý và sử dụng. Nguồn gốc là của cụ Nguyễn Viết TU là người thân sinh ra ông Nguyễn Viết T. Từ năm 1960, ông Nguyễn Viết T được cụ Nguyễn Viết TU cho diện tích nhà đất, thuộc thửa số 34 tờ bản đồ số 7 tại thôn Văn Trì, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Diện tích khi đó được thể hiện trên sổ mục kê lập vào năm 1960 là 1375m² trong đó có 448m² đất ao còn lại là đất ở. Do ông Nguyễn Viết T là con trưởng nên bố mẹ đã cho sử dụng và đứng tên chủ sử dụng ngay từ năm 1960 để để sinh sống cùng bố mẹ và duy trì nghĩa vụ của con trưởng trong gia đình là phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến già. Ông Nguyễn Viết H là con trai thứ nên cụ Nguyễn Viết

TU đã tạo lập nhà đất và cho ra ở giáp với phần đất ở của cụ Nguyễn Viết TU để lại.

Đối với thửa đất ông Nguyễn Viết H kiện trên, vào khoảng năm 1960, sau khi được bố mẹ ông Nguyễn Viết T cho ông Nguyễn Viết T được sử dụng thửa đất, nhà nước có chính sách hợp tác hóa, khuyến khích các gia đình trong xã góp vào hợp tác xã để cùng hợp tác sản xuất. Ông Nguyễn Viết T đã đồng ý góp phần diện tích đất ao vào để thực hiện chính sách chung của nhà nước. Tuy nhiên, đến năm 1967 khi hợp tác xã không còn sử dụng nữa, ông Nguyễn Viết T đã lấy lại và tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

Đất ông Nguyễn Viết H đòi chia thừa kế không phải là di sản của bố mẹ ông mà là tài sản của gia đình ông Nguyễn Viết T. Do đó yêu cầu của ông Nguyễn Viết H là không có căn cứ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với 925,4m² đất ao tại tổ dân phố Văn Trì 4, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Minh T có ý kiến: Diện tích đất ao ông Nguyễn Viết H đang đề nghị chia thừa kế đã được gia đình ông Nguyễn Viết T đưa vào hợp tác xã Văn Trì năm 1967. Khi Hợp tác xã không sử dụng, ông Nguyễn Viết T đã lấy lại và tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay, nên diện tích đất này không phải là di sản của cụ Nguyễn Viết TU và cụ A. Do đó yêu cầu của ông Nguyễn Viết H là không có căn cứ Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà (Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Huy H, chị Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Vinh H, chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị Ly) ông Đặng Minh T có ý kiến: Nhất trí Nguyễn Thị N trình bày của bị đơn.

Viện kiểm sát có ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán giải quyết vụ án quá thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H, vì diện tích đất ao mà nguyên đơn đang đề nghị chia không phải là di sản của cụ Nguyễn Viết TU và cụ A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án thu thập được xác định đây là tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế nên đây là vụ án Dân sự. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án trong thời hiệu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn trong vụ án đang cư trú tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, mặt khác, tài sản nguyên đơn đang yêu cầu chia tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa có mặt Nguyên đơn, Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị HA. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị HA có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị HA.

Về nội Nguyễn Thị D:

Cụ Nguyễn Viết TU (đã mất ngày 08/3/2016) và cụ Vương Thị A (đã mất ngày 16/01/2012). Sinh thời hai cụ sinh được 5 người con gồm: ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1942, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị HA, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1961.

Khi mất các cụ không để lại di chúc đối với khối tài sản Nguyên đơn đang đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc 925,4m² đất ao mà nguyên đơn đang yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND phường Minh Khai, Công văn số 399/TNMT ngày 12/08/2019 của Phòng tài nguyên môi trường quận Bắc Từ Liêm “ V/v cung cấp

hồ sơ giải quyết vụ án dân sự tranh chấp thừa kế tại phường Minh Khai”, Bản đồ, sổ mục kê các năm 1960, 1986, 1994 và năm 2000 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì diện tích đất ao nêu trên có nguồn gốc của cụ Nguyễn Viết TU và cụ Vương Thị A để lại. Tuy nhiên đến năm 1967 gia đình cụ Nguyễn Viết TU, cụ A đã quốc hữu hóa diện tích đất ao này vào Hợp tác xã (HTX) Văn Trì và nhận tiền trả của HTX là 176 đồng (điều này cũng phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Tòa án), đến năm 1986 HTX không sử dụng nữa thì gia đình ông Nguyễn Viết T tự ra sử dụng lại.

Nguyễn Thị N vậy, diện tích đất ao nêu trên đã được gia đình cụ Nguyễn Viết TU, cụ A quốc hữu hóa vào HTX Văn Trì năm 1967. Vì thế, căn cứ Điều 1 Luật đất đai năm 1987, khoản 2, Điều 2 Luật đất đai năm 1993 và khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003, Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội “Về nhà đất do nhà nước quản lý bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991” và khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ “về thi hành luật đất đai” Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại diện tích đất mà đã đưa vào HTX. Vì vậy, kể từ năm 1967 thì diện tích đất ao nêu trên không còn là tài sản của Cụ Nguyễn Viết TU và cụ A. Do đó, tài sản này không phải là di sản thừa kế của các cụ để lại. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu 15.000.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định và định giá được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp là 50.000.000 đồng, nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 35.000.000 đồng. Ông Nguyễn Viết H đã nhận đủ.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 609, 610, 611, 612, 613 và 623 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 1 Luật đất đai năm 1987, khoản 2, Điều 2 Luật đất đai năm 1993 và khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003,

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội “Về nhà đất do nhà nước quản lý bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày

01/7/1991” và khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ “về thi hành luật đất đai”

Căn cứ Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H đối với ông Nguyễn Viết T về việc yêu cầu chia thừa kế 925,4m² đất ao tại tổ dân phố Văn Trì 4, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Viết H phải chịu **15.000.000** (*Mười lăm triệu*) đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá. Được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà ông Nguyễn Viết H đã nộp ngày 11 tháng 01 năm 2019. Ông Nguyễn Viết H đã nộp đủ.

3. Về án phí: ông Nguyễn Viết H phải chịu **11.650.000** (*Mười một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **59.244.000** (*Năm chín triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn*) đồng. Trả lại ông Nguyễn Viết H số tiền **47.594.000** (*Bốn mươi bảy triệu, năm trăm chín tư ngàn*) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 06441 ngày 7/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- THA cùng cấp;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Sơn Hà